

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18-8-2021

“V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa
anh T và chị T1”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoá;

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 1, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 1, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(anh T, chị T1 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T1 đăng ký kết hôn ngày 24-01-2011 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh T và chị T1 chung sống cùng bố mẹ anh T ở xóm 1, xã HH. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai người không hợp nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn cãi, chửi nhau. Từ tháng 5 năm 2013 cho đến nay anh T và chị T1 đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh T đề nghị được ly hôn T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15-02-2012, hiện nay đang ở với chị T1, khi ly hôn, anh T đề nghị để chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ly.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay hoặc vay mượn ai tài sản gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân như anh T đã trình bày. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên chị T1 nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị T1 và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15-02-2012, hiện nay đang ở với chị T1, khi ly hôn, chị T1 nhận tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ly và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 24-01-2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn T với chị Nguyễn Thị T1, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2013. Đến nay, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại, anh T xin ly hôn chị T1 cũng nhất trí. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Vũ Thị Khánh L đang ở với chị T1, anh T và chị T1 thống nhất sau khi ly hôn để chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung; cháu Ly cũng nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con chung là cháu Vũ Thị Khánh L cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Anh T và chị T1 xác nhận về tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng không có, không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15-02-2012 cho chị Nguyễn Thị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T1 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Vũ văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002661 ngày 16-6-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HH: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái